

Số: *10* /2022/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày *15* tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 15/TTr-BDT ngày 29 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022 và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KG-VX; NC (Đ);
- Lưu: VT, VL391/4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quốc Việt



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau

*(Kèm theo Quyết định số 10 /2022/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Dân tộc (sau đây gọi tắt là Ban) là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Chương II CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG


Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban: Trưởng Ban và không quá 02 (hai) Phó Trưởng Ban.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban, gồm:

- Văn phòng;
- Phòng Chính sách;
- Phòng Tuyên truyền.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm, tình hình, yêu cầu quản lý về công tác của ngành trên địa bàn tỉnh, Trưởng Ban chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban theo quy định của pháp luật.



Trong quá trình tổ chức thực hiện, việc tách, sáp nhập, đổi tên các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Trưởng Ban và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ theo quy định của pháp luật.

4. Trưởng Ban ban hành quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban. Thực hiện quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ban theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Biên chế

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm của công tác về lĩnh vực dân tộc, Trưởng Ban chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí biên chế cho Ban để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, bảo đảm số lượng cấp phó và các công chức phù hợp với quy định hiện hành.

2. Việc tuyển dụng, bố trí công chức của Ban phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Trưởng Ban là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phó Trưởng Ban là người giúp Trưởng Ban phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng Ban vắng mặt, một Phó Trưởng Ban được Trưởng Ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban.

3. Trưởng phòng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Ban và trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn, nghiệp vụ được giao phụ trách.

4. Phó Trưởng phòng thuộc Ban là người giúp việc cho Trưởng phòng; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công phụ trách. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban.

5. Công chức, người lao động trong các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban, Trưởng phòng quản lý trực tiếp và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Điều 6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật**

1. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng Ban và các Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ.

2. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác của Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Trưởng Ban quyết định theo phân cấp quản lý công chức hiện hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Việc sử dụng, bố trí, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch đối với công chức do Trưởng Ban quyết định theo phân cấp quản lý công chức hiện hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương III**MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC****Điều 7. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Ủy ban Dân tộc**

1. Mối quan hệ công tác giữa Ban với Ủy ban Dân tộc là mối quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành; thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm do Ủy ban Dân tộc đề ra; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động công tác của ngành trên địa bàn tỉnh và một số nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề xuất, kiến nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung và giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ của ngành mang tính phức tạp hoặc mới phát sinh mà chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Điều 8. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Ủy ban nhân dân tỉnh

Mối quan hệ công tác giữa Ban với Ủy ban nhân dân tỉnh là mối quan hệ phục tùng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình hoạt động, Ban Dân tộc giữ mối liên hệ thường xuyên với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động của ngành trên địa bàn tỉnh đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

1. Mối quan hệ công tác giữa Ban với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh là mối quan hệ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm mục đích thực hiện, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.



2. Ban chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch để thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước do Ban Dân tộc phụ trách; lấy ý kiến, trao đổi những giải pháp, nhằm thực hiện những mặt công tác, nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Mọi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau

1. Mọi quan hệ công tác giữa Ban với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau là mối quan hệ phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước của ngành và các vấn đề khác có liên quan trên địa bàn các huyện, thành phố Cà Mau.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau chỉ đạo Phòng Dân tộc các huyện, thành phố thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa phương, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 11. Mọi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Phòng Dân tộc các huyện, thành phố Cà Mau

Mọi quan hệ công tác giữa Ban với Phòng Dân tộc các huyện, thành phố Cà Mau là mối quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của ngành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Triển khai thực hiện

Trưởng Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau triển khai thực hiện tốt Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời đến Ban để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.